

## 9. Viên mãn thành tựu (圓滿成就)

Phẩm thứ chín này có tên là Viên Mãn Thành Tựu. Từ phẩm thứ tư đến phẩm thứ tám đều nói hạnh nguyện của Pháp Tạng Đại Sĩ lúc tu nhân; từ phẩm này trở đi, kinh nói về quả đức thành tựu. Nội dung phẩm này gồm ba phần:

- Phật khen ngợi Pháp Tạng nhân viên quả mãn.
- A Nan thưa hỏi.
- Thế Tôn đáp thẳng vào câu hỏi.

### **Chánh kinh:**

佛告阿難：法藏比丘，修菩薩行，積功累德，無量無邊。於一切法，而得自在。非是語言分別之所能知。

### ***Phật cáo A Nan:***

*- Pháp Tạng tỳ-kheo tu Bồ Tát hạnh, tích công lũy đức, vô lượng vô biên. Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại, phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri.*

### **Phật bảo A Nan:**

**- Tỳ-kheo Pháp Tạng tu Bồ Tát hạnh, tích công lũy đức vô lượng vô biên, được tự tại trong hết thảy pháp, chẳng thể dùng ngữ ngôn, phân biệt để biết được nổi.**

### **Giải:**

Thế Tôn tổng kết phần kinh văn đã nói ở phần trước, nồng nhiệt khen ngợi tỳ-kheo Pháp Tạng tu đại hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ, tích lũy vô lượng vô biên công đức.

“Ư nhất thiết pháp nhi đắc tự tại” (Được tự tại trong hết thảy pháp): Đức Thế Tôn tự xưng “ngã vi pháp vương, ư pháp tự tại” (ta là pháp vương, tự tại nơi pháp), nay Ngài dùng ngay câu này để khen ngợi Pháp Tạng trong lúc tu nhân thì thật là một lời khen ngợi tốt bậc.

“Nhất thiết tự tại” là hết thảy vô ngại, cũng có nghĩa là hết thảy thành tựu trọn vẹn. Thành tựu viên mãn dung thông vô ngại mới gọi là

“*tự tại*”. Ngoài ra, thánh hiệu Quán Tự Tại Bồ Tát cũng ngầm nêu huyền chỉ sâu kín sau: “*Tự*” là tự tánh, tự tâm. Quán Tự Tại là thấy rành rẽ cái tánh, thấy rành rẽ cái tâm, đây chính là “*thậm thâm Bát Nhã*” nên có thể chiếu phá Ngũ Uẩn, thoát khỏi hết thảy khổ ách. Đây cũng chính là “*ư nhất thiết pháp nhi đắc tự tại*” (được tự tại nơi hết thảy pháp). Đó là vì lấy tự tại làm nhân, rồi vẫn lấy tự tại làm quả: Nhân quả đồng thời chẳng thể nghĩ bàn!

Sách Hội Sớ lại giải thích như sau: “*Nay bảo ‘ư nhất thiết pháp nhi đắc tự tại’ thì chính là thành tựu Phật quả của đức Thế Tự Tại Vương Phật. ‘Nhất thiết pháp’ chính là pháp bốn mươi tám nguyện, tức là: Pháp trang nghiêm Tịnh Độ, pháp nhiếp thủ chúng sanh, pháp trang nghiêm Pháp Thân v.v...*” Ý nói: Bốn mươi tám nguyện của ngài Pháp Tạng thảy đều viên mãn; hết thảy các pháp được thu tóm trong các nguyện ấy đều đã viên dung vô ngại, thành tựu được Quả Giác của Thế Gian Tự Tại Vương Phật nên bảo là “*nhất thiết tự tại*” (hết thảy tự tại).

Đối với kinh này, cư sĩ Bành Tế Thanh đời Thanh có những kiến giải thật sâu sắc, tôi xin dẫn giản lược như sau: “*Ngài Pháp Tạng dùng vô lượng tâm phát vô lượng nguyện, khởi vô lượng hạnh, không hạnh nào chẳng tương xứng Chân Như pháp giới. Chúng sanh vô lượng, cõi nước vô lượng, Bồ Tát tùy thuận chúng sanh trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết na-do-tha kiếp nhập bất khả thuyết bất khả thuyết hàng sa côi Phật, đều dùng vô lượng hạnh hải để nghiêm tịnh những cõi ấy. Vì sao vậy? Vì pháp giới vốn vô lượng vậy. Nghiêm tịnh vô lượng cõi Phật, độ thoát vô lượng chúng sanh như vậy, nhưng thật chẳng có cõi Phật để nghiêm tịnh, cũng chẳng có chúng sanh để độ. Vì sao thế? Vì pháp giới chính là phi pháp giới nên Bi và Trí cùng dung hội, Lý Sự vô ngại. Do vậy có thể tự tại trong hết thảy các pháp*”.

Hai thuyết vừa dẫn trên thật khéo bổ sung lẫn nhau.

“*Phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri*” (Chẳng thể dùng ngữ ngôn, phân biệt để biết được nổi): Một câu này quả thật là kim cang vương bảo kiếm, chặt phăng hết sạch những suy lường, kiến giải của chúng sanh. Câu này và câu “*thị pháp phi tư lượng phân biệt chi sở năng giải*” (pháp này chẳng thể do suy lường, phân biệt mà hiểu được nổi) trong kinh Pháp Hoa thật chỉ là một, một vị, một âm, giống hệt nhau chẳng khác. Đây chẳng phải là điều trùng hợp ngẫu nhiên mà thật chính là do thể tánh của hai câu tương đồng.

Vì vậy, tiếp theo đây, tôi sẽ dẫn kinh Pháp Hoa để soi sáng ý nghĩa kinh này. Kinh Pháp Hoa nói:

*“Chư Phật tùy nghi thuyết pháp, ý thú nan giải. Sở dĩ giả hà? Ngã dĩ vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, diễn thuyết chư pháp. Thị pháp phi tư lượng phân biệt chi sở năng giải. Duy hữu chư Phật, nãi năng tri chi. Sở dĩ giả hà? Chư Phật Thế Tôn, duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện u thế.*

*Xá Lợi Phất! Vân hà danh chư Phật Thế Tôn, duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện u thế? Chư Phật Thế Tôn dục linh chúng sanh khai Phật tri kiến, sử đắc thanh tịnh cố, xuất hiện u thế, dục thị chúng sanh Phật chi tri kiến cố, xuất hiện u thế, dục linh chúng sanh ngộ Phật tri kiến cố, xuất hiện u thế, dục linh chúng sanh nhập Phật tri kiến đạo cố, xuất hiện u thế.*

*Xá Lợi Phất! Thị vi chư Phật dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện u thế”*

(Chư Phật thuận theo cơ nghi thuyết pháp, ý nghĩa khó thể hiểu nổi. Vì có sao vậy? Ta dùng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, thí dụ, lời lẽ, để diễn thuyết các pháp. Pháp ấy chẳng thể dùng suy lường, phân biệt để hiểu được nổi, chỉ có chư Phật mới biết được thôi. Vì có sao thế? Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời.

Này Xá Lợi Phất! Thế nào là chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời? Chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sanh khai Phật tri kiến, khiến cho họ được thanh tịnh nên xuất hiện trong đời; muốn chỉ bày tri kiến của Phật cho chúng sanh nên xuất hiện trong đời; muốn cho chúng sanh ngộ được tri kiến của Phật nên xuất hiện trong đời; muốn cho chúng sanh chứng nhập được đạo tri kiến của Phật nên xuất hiện trong đời.

Này Xá Lợi Phất! Đây là chư Phật Thế Tôn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời).

Đoạn kinh trên nói rõ: Chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên là “khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật” mà xuất hiện trong đời. Điều Phật khai thị chính là tri kiến của Phật, nên chỉ có Phật với Phật mới có thể thật sự hiểu rõ. Chúng sanh vướng trong tình chấp, kiến giải, khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng phân biệt, nên Phật tuy dùng đủ các thí dụ,

lời lẽ để giải thích, nhưng chúng sanh đối với tri kiến của Phật vẫn như điếc, như đui, chẳng thể thật sự thấu hiểu.

Kinh Viên Giác nói: *“Vị xuất luân hồi, nhi biện Viên Giác, bị Viên Giác tánh, tức đồng lưu chuyển”* (Chưa thoát được luân hồi mà bàn đến Viên Giác thì cái tánh Viên Giác đó cũng chỉ là lưu chuyển). Câu kinh này chỉ rõ: Chẳng thể dùng phân biệt, so lường để hiểu nổi Viên Giác. Ngài Nam Tuyền bảo: *“Thuyết tác Như Như, tạo biến liễu dã”* (Hãy nói ra cái Như Như thì ý nghĩa chân thật của nó đã sớm bị biến mất rồi). Vì vậy, *“phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri”* (chẳng thể dùng ngữ ngôn, phân biệt để biết được nổi). Rõ ràng, với một đại sự này ngôn ngữ bất dứt, tâm hành lặng bật.

Quả Giác của ngài Pháp Tạng thật chẳng thể dùng lời lẽ nào để có thể diễn tả nổi, chẳng thể dùng cái tâm sanh diệt của chúng sanh để suy xét, phân biệt mà thấu hiểu được nổi. Còn đối với phàm phu thì dầu nói năng cũng chẳng thể biết được, không nói năng cũng chẳng thể biết được, phân biệt cũng không thể biết được, không phân biệt lại càng không thể biết được! Diệu quả Pháp Thân cứu cánh của ngài Pháp Tạng chỉ có Như Như với Như Như trí mới có thể lãnh hội được nên phàm tình làm sao suy thấu cho được!

### **Chánh kinh:**

所發誓願圓滿成就，如實安住，具足莊嚴、威德廣大、清淨佛土。

*“Sở phát thệ nguyện viên mãn thành tựu, như thật an trụ, cụ túc trang nghiêm, oai đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ.”*

Thành tựu viên mãn thệ nguyện đã phát, như thật an trụ đầy đủ trang nghiêm, oai đức rộng lớn thanh tịnh cõi Phật.

### **Giải:**

“Viên mãn” là đầy đủ những điều tốt đẹp, kỳ diệu một cách trọn vẹn. Trong sách Pháp Hoa Luận Sớ, ngài Gia Tường giảng chữ “thành tựu” như sau: *“Đầy đủ không sót gì, chẳng thể phá hoại nên bảo là thành tựu”*. Sách Vãng Sanh Luận Chú cũng bảo: *“Nương vào bốn mươi tám bốn nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát nên nay A Di Đà Phật thành lực tự tại, nguyện phát sanh lực, lực đáp ứng nguyện, nguyện chẳng*

*luống uổng, lực chẳng dối bày, lực và nguyện hỗ trợ nhau rốt ráo chẳng sai chạy nên bảo là thành tựu”.*

Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát cũng có nói: *“Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, thành tựu tứ pháp, u Như Lai diệt hậu, đương đắc thị Pháp Hoa kinh. Nhất giả, vị chư Phật hộ niệm. Nhị giả, thực chứng đức bốn. Tam giả, nhập Chánh Định Tụ. Tứ giả, phát cứu nhất thiết chúng sanh chi tâm”* (Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp thì sau khi đức Như Lai diệt độ sẽ được kinh Pháp Hoa này: Một là được chư Phật hộ niệm, hai là trồng các cội đức, ba là nhập Chánh Định Tụ, bốn là phát tâm cứu hết thầy chúng sanh).

Kinh Pháp Hoa nói thành tựu bốn pháp sẽ được nghe hiểu kinh Pháp Hoa, còn trong kinh này, hết thầy thệ nguyện của Pháp Tạng Đại Sĩ đều đã viên mãn thành tựu nên Ngài được *“như thật an trụ, cụ túc trang nghiêm, oai đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ”* (đầy đủ trang nghiêm, oai đức rộng lớn, cõi Phật thanh tịnh).

“Thật” (實) là chân thật, cũng chính là Thật Tướng, Chân Như hay Pháp Thân. *“Như thật an trụ”* là an trụ một cách chân thật nơi Chân Thật Tế. Nói giản dị là an trụ trong Thật Tướng của các pháp. Thật Tướng chính là cái Thể của bản kinh này. Thật Tướng cũng chính là Chân Như nên Chân Như chính là Như Như. Nói như kinh Kim Cang thì *“như thật an trụ”* chính là *“như như bất động”*.

Thật Tướng lại chính là Pháp Thân như Vãng Sanh Luận Chú bảo: *“Nếu bàn đến việc quán sát sự thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật, sự thành tựu công đức trang nghiêm của Phật, sự thành tựu công đức trang nghiêm của Bồ Tát, thì nên biết rằng ba thứ thành tựu nguyện tâm trang nghiêm ấy có thể nói gọn là nằm trọn trong một pháp cú. Một pháp cú là thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú chính là chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân”*.

Câu *“như thật an trụ”* trong kinh đây ý nói an trụ nơi chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân, nên *“như thật an trụ”* gói gọn trong một thanh tịnh cú. Sự thanh tịnh ấy gồm có hai thứ thanh tịnh: Một là khí thể gian thanh tịnh, hai là chúng sanh thể gian thanh tịnh. Một pháp cú gồm trọn cả hai thứ thanh tịnh và ba thứ trang nghiêm nên bảo là *“cụ túc trang nghiêm”* (đầy đủ trang nghiêm). Vãng Sanh Luận Chú bảo: *“Sự trang nghiêm ấy dấu cho Tỳ Thủ Yết Ma - kẻ được khen là khéo tay tốt bực -*

*dốc lòng nghiên ngẫm cũng chẳng thể phác họa nổi* (Tỳ Thủ Yết Ma là tên của một vị Thiên Đế. Ông này rất khéo tay, khéo biến hóa, giỏi kiến trúc). Năng Sanh (cái làm chủ thể phát sanh ra, ở đây là nguyện tâm vi diệu của Phật Di Đà) đã tịnh thì Sở Sanh (cái được phát sanh ra, tức là cõi Cực Lạc....) sao lại chẳng tịnh? Vì vậy, kinh bảo: “*Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh*” (Hễ tâm tịnh thì cõi Phật tịnh).

“*Oai đức*”: Đáng kiêng nể là Oai (威), đáng tôn trọng, yêu mến là Đức (德). Sách Sớ Giải kinh Pháp Hoa của ngài Gia Tường ghi: “*Dè nể là Oai, yêu mến là Đức. Lại nữa, chiết phục là Oai, nhiếp thọ là Đức*”.

Sách Thám Huyền Ký giảng chữ “*quảng đại*” (rộng lớn) như sau: “*Đại nghĩa là bao dung, Quảng là thể đến tột bực* (bản thể viên mãn đến cùng cực), *diệu dụng trùm khắp*”.

Ngoài ra, “*Quảng Đại Hội*” chính là một danh hiệu khác của Phật A Di Đà. Do hội tụ tất cả những đức quảng đại nên Ngài có danh hiệu này. Mười phương chúng sanh sanh về Cực Lạc, pháp hội lớn lao, thánh chúng vô lượng, toàn là do cái đức vời vợi của Phật Di Đà cảm nên. Ở đây, kinh nói “*quảng đại*” chính là để diễn tả cái đức ấy.

“*Thanh tịnh Phật độ*” (Cõi Phật thanh tịnh): Phẩm mười một trong kinh Vô Lượng Thọ đây có nói thế giới Cực Lạc “*thanh tịnh trang nghiêm siêu du thập phương*” (thanh tịnh trang nghiêm vượt trội mười phương), bản Hán dịch còn bảo A Di Đà Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật, hoặc là Vô Lượng Thanh Tịnh Giác. Cực Lạc là từ chân tâm đức Như Lai hiện ra, do tự tánh thanh tịnh cảm thành nên Cực Lạc phải thanh tịnh vô lượng.

Hơn nữa, Cực Lạc thế giới chính là tên gọi khác của Mật Nghiêm thế giới và Hoa Tạng thế giới. Kinh Đại Thừa Mật Nghiêm bảo: Đại Nhật Như Lai “*y tòng Nan Tư Định, hiện u chúng diệu sắc, sắc tướng vô hữu biên, phi dư sở năng kiến, Cực Lạc trang nghiêm quốc, Thế Tôn Vô Lượng Thọ*” (từ Nan Tư Định hiện ra cõi Cực Lạc trang nghiêm, các thứ sắc nhiệm màu, sắc tướng chẳng có hạn lượng, chưa từng thấy cõi nước nào khác được như vậy, Phật [trong cõi ấy] hiệu Vô Lượng Thọ). Kinh dạy rõ Đại Nhật Như Lai trụ trong nan tư diệu định, từ trong Định hiện ra cõi Cực Lạc và Vô Lượng Thọ Phật. Như vậy, Đại Nhật chính là Di Đà, Mật Nghiêm chính là Cực Lạc.

Kinh còn nói: “*Mật Nghiêm Tịnh Độ siêu chư Phật quốc, như vô vi tánh, bất đồng vi trần*” (Cõi Tịnh Độ Mật Nghiêm vượt hơn các cõi

Phật, như tánh của vô vi, chẳng do vi trần hợp thành). Sách Mật Nghiêm Pháp Tạng Sớ cũng ghi: “*Mật Nghiêm Tịnh Độ giả, tức thị chư Phật Tha Thọ Dụng độ*” (Mật Nghiêm chính là cõi Tha Thọ Dụng của chư Phật) và: “*Kim thử Mật Nghiêm, dẫn u thanh tịnh Như Lai tạng tâm chi sở hiện*” (Nay cõi Mật Nghiêm này chỉ là do Như Lai tạng tâm thanh tịnh biến hiện). Sách Vãng Sanh Luận lại bảo: “*Lấy chuyên tâm niệm Phật phát nguyện sanh cõi ấy thì chứng nhập được Hoa Tạng thế giới*”. Kinh Kim Cang Đảnh cũng dạy: “*Duy thử Phật sát, tận dĩ Kim Cang tự tánh thanh tịnh sở thành, Mật Nghiêm Hoa Tạng*” (Chỉ có cõi Phật này hoàn toàn do kim cương tự tánh thanh tịnh hóa thành, [đó là cõi] Mật Nghiêm Hoa Tạng). Như vậy, Cực Lạc chính là Mật Nghiêm hay Hoa Tạng, đều từ Như Lai tạng tâm thanh tịnh biến hiện, do kim cương tự tánh thanh tịnh tạo thành. Do vậy, cõi ấy “*thanh tịnh trang nghiêm siêu du thập phương*” (thanh tịnh trang nghiêm vượt trội mười phương) nên mới bảo là “*oai đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ*” (oai đức rộng lớn, cõi Phật thanh tịnh).

### **Chánh kinh:**

阿難聞佛所說，白世尊言：法藏菩薩成菩提者，為是過去佛耶？未來佛耶？為今現在他方世界耶？

世尊告言：彼佛如來，來無所來，去無所去，無生無滅，非過現未來。但以酬願度生，現在西方，去閻浮提百千俱胝那由他佛剎，有世界名曰極樂。法藏成佛，號阿彌陀。成佛以來，於今十劫。今現在說法。有無量無數菩薩聲聞之眾，恭敬圍繞。

***A Nan văn Phật sở thuyết, bạch Thế Tôn ngôn:***

***- Pháp Tạng Bồ Tát thành Bồ Đề giả, vì thị quá khứ Phật da? Vị lai Phật da? Vì kim hiện tại tha phương thế giới da?***

***Thế Tôn cáo ngôn:***

***- Bỉ Phật Như Lai, lai vô sở lai, khứ vô sở khứ, vô sanh, vô diệt, phi quá hiện vị lai. Dẫn dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại Tây Phương,***

*khứ Diêm Phù Đề bách thiên câu-chi na-do-tha Phật sát, hữu thể giới danh viết Cực Lạc. Pháp Tạng thành Phật, hiệu A Di Đà. Thành Phật dĩ lai, u kim thập kiếp. Kim hiện tại thuyết pháp, hữu vô lượng vô số Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng, cung kính vi nhiều.*

A Nan nghe lời Phật dạy, bạch Thế Tôn rằng:

- Pháp Tạng Bồ Tát thành Bồ Đề thì thành Phật trong quá khứ hay là Phật trong vị lai, hay là hiện đang ở thế giới phương khác?

Thế Tôn bảo rằng:

- Đức Như Lai ấy không từ đâu đến, chẳng đi về đâu, vô sanh, vô diệt, chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai, chỉ vì đáp tạ cái nguyện độ sanh nên hiện ở Tây phương. Cách Diêm Phù Đề trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc, Pháp Tạng thành Phật hiệu là A Di Đà. Từ khi Ngài thành Phật đến nay đã là mười kiếp, nay hiện tại thuyết pháp, có vô lượng vô số Bồ Tát, Thanh Văn chúng cung kính vây quanh.

**Giải:**

A Nan dựa trên mặt Sự mà hỏi, đức Thế Tôn lại dùng Lý để đáp. Lý sự vô ngại khéo hiển thị Trung Đạo (sáu câu đầu trong đoạn này trích từ bản Tổng dịch).

Thế Tôn bảo A Nan rằng: “*Bỉ Phật Như Lai, lai vô sở lai, khứ vô sở khứ*” (Đức Phật Như Lai ấy không từ đâu đến, chẳng đi về đâu), câu này cùng một ý nghĩa với câu kinh Kim Cang: “*Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai*” (Như Lai là chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai). Trong sách Kim Cang Pháp Không Luận, Linh Phong đại sư giải thích như sau:

“*Do Chân Như chẳng phải ở chỗ nào khác nên từ đây mà đến, sanh tử không phải là chốn nào khác nên từ đây mà đi. Do vậy, có duyên thì hiện, như nước trong thì trăng hiện, mặt trăng thật sự chẳng vào trong nước. Duyên hết liền ẩn, ví như nước đục trăng biến mất, trăng thật sự chẳng bỏ đi*”.

Ta cũng có thể dùng ngay lời giảng trên để giải thích ý đoạn kinh này: Pháp Thân của Như Lai hiện diện khắp nơi nên chẳng thể bảo là Pháp Thân đến từ chỗ nào hay Pháp Thân đi về đâu! Vì hết thấy mọi chốn đều là tự tánh Pháp Thân vậy. Chỉ là gặp duyên thì hiện có đến đi,



nên kinh mới nói: “Đản dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại Tây Phương” (Chỉ vì đáp tạ cái nguyện độ sanh nên hiện ở Tây phương). Phật bảo “lai vô sở lai, khứ vô sở khứ” (chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu) là để đáp lời hỏi về quốc giới, đây là nói về mặt không gian, ngụ ý: Mười phương hư không chẳng rời khỏi ngay nơi chốn đang nói.

Kể đến, Ngài trả lời về thời gian như sau: “Vô sanh, vô diệt, phi quá hiện vị lai” (Vô sanh, vô diệt, chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai). Kinh Niết Bàn nói: “Chư hành vô thường, thị sanh diệt pháp, thị sanh diệt dĩ, tịch diệt vi lạc” (Các hành vô thường là pháp sanh diệt. Sanh diệt đã diệt hết rồi, tịch diệt là vui). Chương Quán Âm Viên Thông trong kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng ghi: “Sanh diệt diệt dĩ, tịch diệt hiện tiền” (Diệt hết sanh diệt thì tịch diệt hiện tiền): Do đã chứng nhập Vô Sanh nên đã Vô Sanh thì ắt sẽ vô diệt.

“Phi quá hiện vị lai” (Chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai) nghĩa là thời gian có quá khứ, hiện tại, vị lai, vọng niệm tiếp nối. Niệm trước đã diệt là quá khứ, niệm sau nầy sanh là vị lai. Hễ vọng niệm chẳng sanh thì cũng chẳng diệt, nên thời gian đâu có quá khứ, vị lai! Hiện tại niệm niệm chẳng trụ, nên chẳng có hiện tại. Hơn nữa, chẳng có quá khứ, vị lai, làm sao có hiện tại? Vì vậy, kinh Kim Cang nói: “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc” (Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được).

Thêm nữa, câu cuối cùng của sách Tín Tâm Minh là: “Không quá khứ, vị lai, hiện tại”. Rõ ràng, tam thế cổ kim chẳng ngoài cái niệm ngay hiện tại.

Trên đây là nói về Lý Thể của Pháp Thân, về Chân Thật Tế; tiếp đó phải nói đến phương tiện phổ độ, cái lợi chân thật. Lý chẳng ngại Sự, Tịch mà thường Chiếu, bi tâm vô tận, ứng hóa độ sanh. Do vậy, kinh chép: “Đản dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại Tây Phương” (Chỉ vì đáp tạ cái nguyện độ sanh nên hiện ở phương Tây). “Thù” (酬) báo đáp. Nói nôm na, “thù nguyện” nghĩa là thực hiện bốn nguyện. “Nguyện” chỉ cho bốn mươi tám nguyện đã phát khi tu nhân. Nay đã thành Phật thì với ba thứ trang nghiêm như vô lượng quang, vô lượng thọ v.v... không điều nào chẳng thực hiện. Mỗi một nguyện trong bốn mươi tám nguyện đều vì Pháp Thân nên nay thành tựu ba thân: Pháp, Báo, Ứng. Hơn nữa, mỗi một nguyện đều để độ sanh, nên tất nhiên phải “thù nguyện độ sanh” (đáp tạ cái nguyện độ sanh).

“Hiện” (現) là hiện tại, cũng có nghĩa là thị hiện. Phật thân hiện diện khắp mọi nơi. Thân và cõi chẳng hai nên cõi Phật cũng hiện khắp mọi nơi. Nói là ở Tây phương thì đó cũng chỉ là thị hiện như phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa đã bảo: *“Nhược hữu chúng sanh lai chí ngã sở. Ngã dĩ Phật nhãn, quán kỳ tín đặng, chư căn lợi độn, tùy kỳ ưng độ, xú xú tự thuyết, danh tự bất đồng, niên kỷ đại tiểu, diệc phục hiện ngôn, đương nhập Niết Bàn. Hựu dĩ chúng chủng phương tiện thuyết vi diệu pháp, năng linh chúng sanh phát hoan hỷ tâm”* (Nếu có chúng sanh đến chỗ ta, ta dùng Phật nhãn quán sát các căn: Tín v.v... của kẻ ấy là lợi hay độn. Tùy theo [căn tánh] nên dùng pháp nào để hóa độ mà nơi nơi ta tự nói những danh hiệu sai khác, niên kỷ nhiều ít, lại còn thị hiện nói ‘sẽ nhập Niết Bàn’. Lại dùng các thứ phương tiện thuyết pháp vi diệu khiến cho chúng sanh sanh lòng hoan hỷ).

Kinh đây nói *“hiện tại Tây Phương”* (hiện ở phương Tây) chính là *“tùy theo [căn tánh] nên dùng pháp nào để hóa độ... phương tiện thuyết pháp vi diệu”* vậy. Đây chính là phương tiện thù thắng: *“Chỉ phương lập tướng, ngay nơi Sự chính là Chân”*. Thiệu Đạo đại sư đã phân tích tại sao phải lập phương tiện ấy như sau: Chúng sanh cõi Sa Bà vọng tâm bạo động. Chỉ phương lập tướng còn chưa thể chuyên chú nổi, huống là không có phương, chẳng có tướng? Sách Thượng Đô Nghi cũng nói: *“Để quy mạng Tam Bảo cần phải chỉ phương, lập tướng. Trụ tâm giữ cảnh hông kèm giữ tâm phàm còn chẳng xong, huống là lý tướng?”*

*“Khứ Diêm Phù Đề bách thiên câu-chi na-do-tha Phật sát, hữu thể giới danh viết Cực Lạc”* (Cách Diêm Phù Đề trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi Phật có thể giới tên là Cực Lạc): Câu này trích từ bản Tống dịch, bản Ngụy dịch ghi là mười vạn ức cõi, bản Đường dịch ghi mười vạn ức cõi Phật. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ cũng ghi giống như bản Tống dịch. Kinh A Di Đà ghi giống hai bản Đường và Ngụy dịch. Các bản dịch ghi sai khác là vì hai nguyên nhân:

1. Một là như kinh Pháp Hoa dạy: Thuận theo căn khí của chúng sanh nên nói danh hiệu sai khác, tuổi tác nhiều ít. Vì vậy, khoảng cách giữa hai cõi cũng sai khác. Thật sự, cả Cực Lạc lẫn Sa Bà đều khắp mọi nơi, chứa đựng lẫn nhau, vốn chẳng cách nào nói nổi khoảng cách.

2. Hai là những con số như ức, na-do-tha, câu-chi cũng lớn nhỏ bất nhất. Có bốn cách hiểu chữ Ưc: mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn. Câu-chi được dịch là Ưc nên Câu-chi có thể là mười vạn, trăm vạn,

ngàn vạn hoặc vạn vạn, nhưng chỉ có ba loại trước là thường được dùng. Na-do-tha cũng có thể hiểu là mười vạn, hoặc ngàn vạn hoặc cũng có thể hiểu là mười vạn, quá nhiều cách hiểu nên khó lòng so sánh nổi.

Nếu bây giờ ta hiểu ức là một vạn vạn thì “mười vạn ức” là mười vạn vạn vạn. ( $10 \times 10.000 \times 10.000 \times 10.000 = 10^{13}$ ). Với con số trăm ngàn câu-chi na-do-tha, nếu hiểu câu-chi và na-do-tha đều chỉ con số nhỏ nhất trong bốn thuyết vừa nói trên thì trăm ngàn câu-chi na-do-tha là một ngàn vạn vạn vạn. Như vậy, con số trăm ngàn câu-chi na-do-tha lớn gấp trăm lần con số mười ức vạn nên ta chẳng thể hạn cuộc trong số lượng được. Đối chiếu các kinh, ta có thể suy luận rằng: Cực Lạc thế giới tối thiểu cũng ngoài mười vạn vạn ức tam thiên đại thiên thế giới (một tam thiên đại thiên thế giới là một cõi Phật).

Phàm phu nghe vậy thường nghĩ cõi Cực Lạc xa quá sợ mình không thể đến nổi, đây thật là do bởi tâm lượng mê muội. Theo kinh Lăng Nghiêm, mười phương hư không sanh trong tâm ta như một phiến mây giữa tầng trời xanh bao la, nào có xa xôi chi! Vì vậy, Quán kinh bảo: “*A Di Đà Phật khứ thử bất viễn*” (A Di Đà Phật cách đây chẳng xa) bởi vì cõi Cực Lạc vốn ở trong tâm mỗi chúng sanh. Sách A Di Đà Sớ Sao cũng nói: “*Phân minh ngay trước mắt nào xa xôi gì!*” Lời đại sư Liên Trì thật thấu triệt bốn nguyên vậy.

“*Hữu thế giới danh viết Cực Lạc*” (Có thế giới tên là Cực Lạc): Chữ “thế” (世) chỉ thời gian, quá khứ, vị lai, hiện tại là tam thế; “giới” (界) là cương giới, chỉ không gian, tức là bốn phương, bốn góc, trên, dưới gọi chung là thập phương. Tính gộp cả thời gian lẫn không gian nên gọi là “thế giới”.

“*Cực Lạc*” tiếng Phạn là Tu Ma Đề (Sukhāmatī), có nhiều cách dịch: An Lạc, An Dưỡng, Thanh Thái v.v... Sách A Di Đà Yếu Giải giảng chữ Cực Lạc nghĩa là “*vĩnh viễn thoát khỏi các khổ, an ổn bậc nhất*”; sách Di Đà Sớ Sao giảng: “*Ý nói sự vui đến tột bậc, hết thấy cái vui trong cõi nhân thiên chẳng thể sánh được nổi*” nên gọi là “Cực Lạc”. Các cõi Phật tùy theo căn cơ cảm thành mà có bốn thứ. Sách Di Đà Sớ Sao nói:

“*Bốn cõi là:*

1. Một là *Thường Tịch Quang độ*. Kinh nói: ‘*Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ, kỳ Phật trụ xứ, danh Thường Tịch Quang*’ (Tỳ Lô Giá Na ở khắp hết thấy chỗ, chốn đức Phật ngự tên là Thường Tịch Quang). *Đấy là chỗ ở của hạng người quả vị cao nhất*.

2. Hai là *Thật Báo Trang Nghiêm độ*, hành pháp chân thật, cảm báo thù thắng, bảy báu trang nghiêm, có đủ ngũ trần tịnh diệu nên còn gọi là *Vô Chướng Ngại độ* do Sắc và Tâm chẳng hai, sợi lông và cội nước chứa đựng lẫn nhau. *Bạc Pháp Thân Đại Sĩ* ngự trong cội này.

3. Ba là *Phương Tiện Hữu Dư độ*: Đoạn được bốn Trụ Hoặc, thuộc về phương tiện đạo, vô minh chưa hết nên bảo là Hữu Dư, là chỗ cư ngụ của thánh nhân trong tam thừa.

4. Bốn là *Phàm Thánh Đồng Cư độ* là chỗ tứ thánh, lục phàm chung ở”.

Phàm là phàm phu, Thánh là thánh nhân. Thánh nhân ứng tích trong thế gian, ở chung một chỗ với phàm phu nên bảo là *Phàm Thánh Đồng Cư*.

Thế giới Sa Bà cũng là cội *Phàm Thánh Đồng Cư*, nhưng cội này trước nặng, ác lắm, bất tịnh ngập ngụa, gai, góc, ngói sạn, gò nông, hầm hố, nên là cội *Đồng Cư* uế độ.

Cội đồng cư *Cực Lạc*: Ao suối có nước tám công đức, cây giát đầy bảy báu, sen báu tỏa quang minh hiện Phật đầy khắp cội nước; nước, chim, cây cối đều diễn thuyết diệu pháp; các bậc thượng thiện nhân nhập Chánh Định Tự, vĩnh viễn thoát khỏi các khổ, chỉ hưởng pháp lạc *Đại Thừa*. Đó là *Đồng Cư Tịnh Độ*.

Hơn nữa, *Cực Lạc Đồng Cư Tịnh Độ* viên minh vô ngại, lại thông với cả ba cội trên: *Thường Tịch Quang*... Sách *Di Đà Sớ Sao* bảo: “*Do căn cơ sai khác, thấy biết cũng khác. Có người ở trong cội Đồng Cư mà thấy là cội Thường Tịch Quang; có người ở trong Đồng Cư mà thấy là cội Thật Báo; có người trong cội Đồng Cư mà thấy là cội Phương Tiện; có người trong cội Đồng Cư chỉ thấy đó là cội Đồng Cư như kinh Tượng Pháp Quyết Nghi dạy: ‘Kim nhật tọa trung vô vương số chúng, hoặc kiến thử xứ sơn lâm, địa thổ, sa lịch, hoặc kiến thất bảo, hoặc kiến thị chư Phật hành xứ, hoặc kiến tứ thị bát tư nghị chư pháp giới cảnh giới’ (Vô vương số chúng đang hiện diện đây hoặc thấy chốn này có núi rừng, đất đai, cát sỏi; hoặc thấy bảy báu, hoặc thấy là hành xứ của chư Phật, hoặc thấy chính là cảnh giới bát tư nghị của chư Phật), đều là do căn cơ nên thấy sai khác”.*

Vì vậy, sách *Di Đà Yếu Giải* bảo: “*Nay bảo Cực Lạc thế giới chính là cội Đồng Cư Tịnh Độ, nhưng nó cũng gồm cả ba cội Tịnh Độ trên*” và: “*Nay xét theo ba điều Tín, Nguyện, Hạnh thì danh hiệu Di Đà*

*chẳng thể nghĩ bàn nên có thể khiến cho phàm phu cảm được cõi Đồng Cư Cực Lạc thanh tịnh tốt bậc, mười phương cõi Phật không đâu có được như vậy, riêng mình cõi Cực Lạc Đồng Cư độc chiếm. Đây mới là tông chỉ của Cực Lạc Tịnh Độ”.*

Do Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh, vạn đức trang nghiêm, một câu thanh tịnh, dùng một câu danh hiệu Di Đà tốt bậc thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn làm chánh nhân nên tự nhiên cảm được cõi nước Cực Lạc Đồng Cư thanh tịnh tốt bậc chẳng thể nghĩ bàn. Cõi Đồng Cư Tịnh Độ của thế giới Cực Lạc trỗi vượt thập phương nên chư tổ thường bảo: “*Điều nhiệm màu hàng đầu của Cực Lạc là cõi Đồng Cư*”.

“*Pháp Tạng thành Phật, hiệu A Di Đà*”: Phần trên đã nói về cõi nước, đó là y báo. Cõi nước là chỗ để thân nương vào nên gọi là y báo. Phật là năng y (chủ thể nương tựa vào y báo) nên gọi là chánh báo. Phật có ba thân:

1. Pháp Tánh Thân, gọi tắt là Pháp Thân, ngự trong Thường Tịch Quang độ.
2. Báo Thân ngự trong Thật Báo Trang Nghiêm độ.
3. Ứng Hóa Thân thường hiện trong các cõi Phương Tiện Hữu Dư, Phàm Thánh Đồng Cư...

Ba thân này của đức Phật thật chẳng phải một, chẳng phải ba, lại là ba, cũng là một, như ba chấm trong chữ Y (:.), chẳng ngang, chẳng dọc, chẳng cùng, chẳng khác, chẳng thể nghĩ bàn.

Thân ứng hóa lại có hai thứ: Một là “*thị sanh hóa thân*” tức là thân thị hiện tám tướng thành đạo; hai là “*ứng hiện hóa thân*” tức là ứng theo căn cơ chúng sanh mà thị hiện thân tướng ứng hoặc thân liệt ứng. Hóa Thân còn có thể phân chia như sau:

1. Phật giới hóa thân: Thân hiện trong Phật giới.
2. Tùy loại hóa thân: Theo từng loại trong cửu giới mà hiện thân.

Sách Di Đà Yếu Giải nói: “*A Di Đà Phật nói ở đây chính là chỉ thân Phật trong cõi Đồng Cư, là thị sanh hóa thân, nhưng cũng chính là Pháp Thân, Báo Thân vậy*”. Ý nói: Đức Phật hiện đang thuyết pháp đây chính là thân hiện trong cõi Đồng Cư, đó là thị sanh hóa thân Phật. Đồng thời, thân ấy cũng chính là Báo Thân và Pháp Thân Phật. Thuyết này thật tinh diệu.

Sách Viên Trung Sao bảo: “*Tùy theo cõi nước nên cảm được cái thấy có ba thân sai khác. Do căn cơ nên cảm thấy được bốn cõi bất đồng*”. Vì vậy, nếu ở trong cõi Đồng Cư mà chỉ thấy được đó là cõi Đồng Cư thì vị Phật thuyết pháp cho mình chỉ là thị sanh hóa Phật. Nếu thấy đó là Thật Báo thì đó là Báo Thân Phật. Nếu thấy là cõi Thường Tịch Quang thì Ngài là Pháp Thân Phật.

Ba thân của Phật ví như ba thứ sau đây của ma-ni bảo châu: Bản thân viên châu, ánh sáng do châu tỏa ra, ánh sáng châu chiếu rọi lại chính bản thân viên châu; ba thứ này chẳng hề rời nhau. Ba thân Pháp, Báo, Ứng cũng giống như vậy. Cõi Đồng Cư thông cả ba cõi trên cũng như vậy: Ba cõi trên ở ngay trong cõi Đồng Cư. Vì vậy, vãng sanh Đồng Cư công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, A Di Đà Phật chính là Tỳ Lô Giá Na Như Lai như A Di Đà Kinh Sớ Sao viết: “*Bậc trí giác bảo: ‘Trong Tổng Trì giáo (Mật giáo) nói ba mươi bảy vị Phật đều từ một đức Tỳ Lô Giá Na Phật hiện ra, nghĩa là: Đức Giá Na từ trong nội tâm chứng Tự Thọ Dụng thành Ngũ Trí, tự đặt Pháp Giới Thanh Tịnh Trí ở trung ương, rồi từ bốn trí kia lưu xuất ra các vị Như Lai ở bốn phương: Diệu Quán Sát Trí lưu xuất Vô Lượng Thọ Như Lai ở Tây Phương Cực Lạc thế giới; tức là một đức Phật kiêm cả hai cõi*”. Do Phật Di Đà chính là Phật Tỳ Lô nên bảo “*một đức Phật*”. Chữ “*cõi*” chỉ cõi Phật. “*Hai cõi*” tức là Hoa Tạng và Cực Lạc. “*Kiểm*” nghĩa là kiêm lãnh, tức là một đức Phật cai quản cả hai cõi Tịnh Độ.

Hơn nữa, Đông Mật (Mật tông Nhật Bản) cũng bảo A Di Đà Như Lai chính là Đại Nhật Như Lai. Hưng Giáo đại sư ở Nhật viết trong cuốn A Di Đà Bí Thích như sau:

“*Một là Vô Lượng Thọ: Pháp Thân Như Lai ngự trong pháp giới cung, chẳng sanh chẳng diệt. Vì vậy Đại Nhật Như Lai còn có tên là Vô Lượng Thọ Phật.*

*Hai là Vô Lượng Quang: Trí quang từ Diệu Quán Sát Trí của Pháp Thân Như Lai chiếu khắp vô lượng chúng sanh, vô lượng thế giới, luôn luôn ban cho lợi ích. Vì vậy, Đại Nhật Như Lai còn gọi là Vô Lượng Quang Phật....*” (Đại Nhật chính là Phật Tỳ Lô).

Chữ A Di Đà có vô lượng nghĩa: Một là Vô Lượng Thọ, hai là Vô Lượng Quang, ba là Cam Lộ Vương.... Mật giáo dùng ba danh hiệu trên để lần lượt biểu trưng ba thân Pháp, Báo, Hóa.

A Di Đà còn có thể dịch là Vô Lượng Trang Nghiêm, Vô Lượng Thanh Tịnh v.v... Ngoài ra, mười hai danh hiệu quang minh cũng đều là danh hiệu của Phật cả. Hơn nữa, trong ba chữ A Di Đà, mỗi chữ lại đủ cả vô lượng nghĩa. A nghĩa là vốn bất sanh bất diệt nên là Không Đế, Di nghĩa là “ngô ngã” (tôi, ta) nên Di là tùy duyên Giả Đế, Đà nghĩa là Như nên là Trung Đế.

Sách A Di Đà Bí Thích cũng giảng:

*“Chữ A nghĩa là nhất tâm bình đẳng bốn sơ bất sanh. Chữ Di là nhất tâm bình đẳng có Ngã lẫn Đại Ngã. Chữ Đà là nhất tâm bình đẳng, chư pháp như như tịch tĩnh.*

*Hơn nữa, chữ A là Phật Bộ thể hiện Lý Trí bất nhị, là thể tướng của pháp giới. Chữ Di là Liên Hoa Bộ, là Diệu Quán Sát Trí, chúng sanh và pháp hai thứ đều không, Thật Tướng vốn chẳng nhiễm lụy trần giống như hoa sen. Chữ Đà là Kim Cang Bộ, là Như Lai diệu trí, tự tánh kiên cố, có thể phá tan hết thấy oán địch vọng tưởng.*

*Chữ A lại có nghĩa là Không: Pháp thể của nhất tâm pháp vốn chẳng có tướng hư vọng. Di nghĩa là Giả Hữu: Nhất tâm bình đẳng, chư pháp như huyền, giả có. Chữ Đà nghĩa là Trung Đạo: Nhất tâm bình đẳng các pháp liả nhị biên, chẳng có tướng nhất định nào cả.*

*Chữ A còn có nghĩa là Hữu: Thể tướng của nhất tâm vốn chẳng sanh vì chẳng diệt tận. Chữ Di nghĩa là Không: Các pháp trong nhất tâm chẳng có pháp nào có tự tánh. Chữ Đà nghĩa là Bất Không: Các pháp trong tự tâm vốn là công đức của Pháp Thân vì chẳng đoạn tuyệt.*

*Chữ A lại có nghĩa là Nhân: Phật giới và chúng sanh do nhất tâm mà giác, cũng do nhất tâm mà mê. Chữ Di nghĩa là Hạnh: Đoạn nhân, pháp, nhị ngã, chúng được sanh, pháp bất không, đạt đến quả Phật. Chữ Đà nghĩa là Quả: Thể hiện bất nhị nhất tâm, như như lý trí thì chính là Phật quả vậy.*

*Các pháp môn sai biệt như vậy là tướng trạng của danh tự, nhưng các tướng danh tự như vậy lại chẳng có tướng nhất định. Chúng giống như những hạt châu nơi lưới Thiên Đế chẳng thể lấy, bỏ được, nhất tâm bình đẳng nên bất khả đắc”.*

Sách còn viết: *“Vì vậy xưng lên ba chữ A Di Đà diệt được trọng tội từ vô thí. Niệm một vị Phật A Di Đà thành tựu phước trí không cùng tận. Như một hạt châu nơi lưới Thiên Đế hiện ngay vô tận bảo châu, một*

*đức A Di Đà Phật mau chóng viên mãn vô biên tánh đức*”. Thuyết này của sách Bí Thích quả đã mở toang kho tàng bí mật của chư Phật, hiển thị thẳng thừng một pháp môn Trì Danh bao trọn công đức của hết thầy các pháp. Chuyên niệm Di Đà ắt mau chóng viên mãn được vô biên diệu đức sẵn có nơi tự tánh. Chân lý vi diệu trên đây đã chỉ bày thẳng ngay tri kiến của Phật, chỉ rõ pháp này chính là “*pháp hy hữu, hết thầy thế gian khó thể tin được nói*”.

Sách A Tự Quán lại viết: “*Từ chữ A phát sanh hết thầy đà-ra-ni, từ hết thầy đà-ra-ni sanh ra hết thầy Phật*”. Một chữ A trong danh hiệu Phật đã có công đức như thế nên công đức của toàn danh hiệu Phật thật chẳng thể nghĩ bàn. Điều này quả thật quá hiển nhiên!

Câu “*thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp*” (thành Phật đến nay đã mười kiếp) ngụ ý: Thành tựu viên mãn bốn mươi tám nguyện, thành Đẳng Chánh Giác hiệu là A Di Đà Phật, từ lúc ngài Pháp Tạng thành Phật cho đến khi đức Thích Ca giảng kinh này đã trải qua mười kiếp. Cần chú ý rằng: Mười kiếp được nói ở đây chính là thời gian Phật vì đáp ứng cái nguyện độ sanh nên thị hiện sự tướng. Đây chỉ là nói một cách phương tiện để ứng theo căn cơ, chứ thật ra A Di Đà Phật thành Phật rất lâu. A Di Đà chính là Đại Nhật Như Lai.

Phần trên, tôi đã từng dẫn kinh Đại Thừa Mật Nghiêm; ở đây, tôi lại dẫn chứng ba điều như sau:

1. Kinh Pháp Hoa, phẩm Hóa Thành Dụ có chép: “*Nãi vãng quá khứ, vô lượng vô biên, bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp, nhĩ thời hữu Phật danh Đại Thông Trí Thắng Như Lai*” (Trong đời quá khứ vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, lúc bấy giờ có vị Phật hiệu Đại Thông Trí Thắng Như Lai) và “*kỳ Phật vị xuất gia thời, hữu thập lục vương tử, giai dĩ đồng tử xuất gia, nhi vi Sa Di*” (khi ấy, mười sáu vương tử đều xuất gia từ bé làm Sa Di), “*ngã kim ngữ nhữ, bỉ Phật đệ tử thập lục Sa Di, kim giai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, ư thập phương quốc độ hiện tại thuyết pháp... Tây Phương nhị Phật, nhất danh A Di Đà... Đệ thập lục ngã Thích Ca Mâu Ni Phật, ư Sa Bà quốc độ, thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Ta nay bảo các người: ‘Mười sáu vị sa di đệ tử của đức Phật ấy nay đều chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp trong các cõi nước mười phương.... Phương Tây có hai vị Phật, một tên là A Di Đà... Người thứ mười sáu là ta, Thích Ca Mâu Ni Phật, thành Vô Thượng Chánh



Đẳng Chánh Giác trong cõi nước Sa Bà). Đoạn kinh này chỉ rõ A Di Đà Phật là vị vương tử thứ chín, Thích Ca Phật là vương tử thứ mười sáu.

Đức Thích Ca thành Phật đến nay đã là vô lượng kiếp như phẩm Thọ Lượng kinh Pháp Hoa nói: *“Nhĩ thời, Phật cáo đại chúng Bồ Tát: - Chư thiện nam tử! Kim đương phân minh tuyên ngữ như đấng, thị chư thế giới, nhược trước vi trần, cập bất trước giả, tận dĩ vi trần, nhất trần nhất kiếp, ngã thành Phật dĩ lai, phục quá ư thử bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp”* (Lúc bấy giờ, Phật bảo các vị đại Bồ Tát: - Thiện nam tử! Nay ta sẽ giảng rành mạch cho các ông. Các thế giới ấy, hoặc có đặt vi trần hoặc chẳng đặt, đem hết cả số vi trần trong các thế giới ấy coi mỗi vi trần là một kiếp thì ta thành Phật đến nay còn hơn số ấy trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp) và *“Nhu Lai kiến chư chúng sanh, nhạo ư tiểu pháp, đức bạc cấu trọng giả, vị thị nhân thuyết, ngã thiếu xuất gia, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nhiên ngã thành Phật dĩ lai, cứu viễn nhược tư, đản dĩ phương tiện, giáo hóa chúng sanh, linh nhập Phật đạo, tác như thị thuyết”* (Nhu Lai thấy các chúng sanh ưa pháp nhỏ, đức mỏng, cấu nặng, nên vì những kẻ như vậy nói: ‘Ta xuất gia không lâu liền đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác’, nhưng thật ra từ khi ta thành Phật đến nay còn lâu xa hơn số ấy nữa. Chỉ vì phương tiện giáo hóa chúng sanh khiến cho họ nhập Phật đạo nên mới nói như vậy).

Đức Thích Ca từ khi thành Phật ở Ấn Độ đến nay đã hơn hai ngàn năm, thật là phương tiện quyền xảo thị hiện nên Phật Di Đà thành Phật ở cõi Cực Lạc *“ư kim thập kiếp”* (đến nay đã mười kiếp) cũng giống vậy: Ngài thật sự đã thành Phật từ rất lâu rồi.

2. Ngài Linh Chi viết trong sách Di Đà Kinh Sớ như sau: *“Chương Thế Chí kinh Lăng Nghiêm có nói: ‘Ngã ức vãng tích Hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Vô Lượng Quang. Thập nhị Như Lai tương kế nhất kiếp’ (Con nhớ trong hằng sa kiếp xưa kia, có Phật xuất thế tên là Vô Lượng Quang. Mười hai vị Như Lai nối tiếp xuất hiện trong một kiếp). Nếu dựa theo kinh Đại Bản (chỉ kinh Vô Lượng Thọ) thì đấy chính là A Di Đà. Nay kinh này (chỉ kinh A Di Đà) và Đại Bản cùng nói là mười kiếp, đó chỉ là lời nói nhằm thích ứng căn cơ trong một lúc mà thôi, chẳng nên nệ vào đó rồi nghi ngờ”*. Như vậy, Linh Chi đại sư dùng ngay câu hằng sa kiếp trong quá khứ Phật có Phật tên Vô Lượng Quang để chứng minh A Di Đà Phật thành Phật đã từ rất lâu xưa, mười kiếp chỉ là quyền biến mà nói.

3. Sách Tiên Chủ bảo: “*Theo giáo nghĩa của Chân Tông (chỉ Mật Tông) thì đức A Di Đà ở phương Tây trong Thai Tạng Giới, Ngài chủ chứng Bồ Đề đức; trong Kim Cang Giới, Ngài chủ chứng Đại Trí Huệ môn, Ngài từ Diệu Quán Sát Trí hóa hiện thành. Nhưng niên kiếp đức Đại Nhật Như Lai thành đạo đã chẳng thể nói nổi, chẳng thể nghĩ bàn nổi thì A Di Đà Phật thành đạo cũng chẳng thể nói nổi, chẳng thể nghĩ bàn nổi*”. Ấy là vì Đại Nhật chính là Di Đà vậy.

“*Kim hiện tại thuyết pháp*” (Nay hiện đang thuyết pháp): Nói “*kim hiện tại*” là ngụ ý chẳng phải quá khứ hay vị lai mà ngay chính lúc này đây nên bảo là “*kim hiện tại*” để chỉ rõ A Di Đà Phật là vị Phật hiện tại, ngay lúc này đây Ngài đang vì chúng sanh thuyết pháp. Vì vậy, phải nên phát nguyện vãng sanh, siêng năng lễ bái, nghe pháp, đúng pháp tu hành để mau thành Phật.

Cư sĩ Bàn Tế Thanh lại bảo: “*Chẳng phải ngay lúc ấy (lúc đức Thích Ca thuyết pháp) mới gọi là hiện tại, mà mãi đến nay và vô tận đời sau vẫn luôn gọi là hiện tại vì Phật thọ vô lượng vậy*”. Như vậy, “*hiện tại*” ở đây không phải là cái hiện tại do tam thế lưu chuyển, mà là vô tận về sau này vẫn luôn thường trụ nên vĩnh viễn được gọi là “*hiện tại*”. Dẫu bao nhiêu thời kiếp lâu xa về sau này, hễ khi ai đọc đến câu “*kim hiện tại thuyết pháp*” (nay hiện đang thuyết pháp) thì chính ngay thời khắc đó Phật Di Đà đang thuyết pháp vì đức Phật ấy thuyết pháp không gián đoạn vậy.

Thân nào đang thuyết pháp? Theo Di Đà Sớ Sao thì chính là Ứng Thân, kể cả Báo Thân. Theo như Quán kinh nói: “*Thập lục ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần chi thân*” (Thân mười sáu vạn ức na-do-tha hằng sa do-tuần) thì chính là Báo Thân thuyết pháp. Sách Sớ Sao lại bảo: “*Có thuyết bảo thân thuyết pháp là Ứng Thân, Báo Thân; có thuyết bảo cả ba thân cùng thuyết pháp; đầy đều là thuận theo cơ nghi*”. “*Ba thân cùng thuyết*” nghĩa là tuy Báo Thân, Ứng Thân thuyết pháp nhưng kiêm cả Pháp Thân.

“*Hữu vô lượng vô số Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng cung kính vi nhiễu*” (Có vô lượng vô số Bồ Tát, Thanh Văn chúng cung kính vây quanh): Do cõi Phật ấy thánh chúng vô lượng, lại có thánh chúng từ thập phương đến lễ bái, thân cận, nghe pháp, số ấy cũng vô lượng. Họ đều vây quanh dưới tòa của Phật, nhất tâm cung kính nghe Phật thuyết pháp.